

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2025/DS-ST
Ngày 14-4-2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Trọng Nghĩa.
- Bà Nguyễn Thị Kiều Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2024/TLST- DS, ngày 06 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lý Nguyễn Huyền T1, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T2**, sinh năm 1986;
Chị **Võ Thị Thanh D**, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị T1, vắng mặt anh T2, chị D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị L Nguyễn Huyền T1 trình bày:

Do quen biết nên ngày 22/4/2024, chị T có cho anh Phạm Văn T2 và chị Võ Thị Thanh D vay số tiền là 754.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền

nhưng chỉ có anh T2 ký tên do tin tưởng, mục đích vay tiền là để kinh doanh, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 22/4/2024. Ngày 24/4/2024, anh T2 và chị D trả cho chị T số tiền là 280.000.000 đồng. Ngày 25/10/2024, chị D trả cho chị T số tiền 50.000.000 đồng gồm 27.000.000 đồng tiền vốn và 23.000.000 đồng tiền lãi (theo lãi suất 0,83% từ ngày 24/4/2024 đến ngày 24/10/2024 là 06 tháng). Do đó anh T2 và chị D chỉ còn nợ chị T số tiền 447.000.000 đồng. Đến nay, anh T2 và chị D vẫn chưa trả cho chị T số tiền này.

Chị T yêu cầu anh T2 và chị D trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 447.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 25/10/2024 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

* Tại bản khai ngày 26/12/2024, bị đơn là chị Võ Thị Thanh D trình bày: Chồng chị là anh Phạm Văn T2 (tên thường gọi là Đ) có ký hợp đồng vay tiền của chị Nguyễn Thị T với số tiền là 754.000.000 đồng. Chị và anh T2 đã trả cho chị T 330.000.000 đồng, nhưng chị T cản trừ tiền lãi từ 24/4/2024 đến ngày 24/10/2024 là 23.000.000 đồng thì chị đồng ý. Nay chị và anh T2 còn nợ chị T số tiền 447.000.000 đồng, chị đồng ý với yêu cầu trả số tiền 447.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 25/10/2024 đến 25/11/2024 là 3.710.000 đồng, tổng cộng là 450.700.000 đồng của chị T. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị xin trả số tiền này sau vài tháng nữa.

* Bị đơn anh Phạm Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa:

Chị T1 trình bày: Chị T yêu cầu anh T2 và chị D trả cho chị T số tiền vay còn nợ là 447.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 25/10/2024 đến ngày 14/4/2025 là 21.023.900 đồng, tổng cộng 468.023.900 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại các Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:*

Bị đơn anh Phạm Văn T2 và chị Võ Thị Thanh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T2 và chị D vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T2 và chị D theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

[3.1] *Đối với yêu cầu trả tiền vốn:*

Xét hợp đồng vay tiền ngày 22/4/2024 giữa bà Nguyễn Thị T, anh Phạm Văn T2; Lời trình bày của chị Võ Thị Thanh D thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay, bên vay tài sản là anh T2 và chị D có vay của chị T số tiền 754.000.000 đồng, được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Chị T, chị D thống nhất anh T2, chị D có trả cho chị T số tiền vốn là 307.000.000 đồng, tiền lãi là 23.000.000 đồng, anh T2 và chị D còn nợ chị T số tiền là 447.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền thể hiện thời hạn vay đối với số tiền 754.000.000 đồng là 30 ngày kể từ ngày 22/4/2024. Đến thời hạn trả nhưng anh T2 và chị D không thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì anh T2 phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh số tiền còn nợ hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho chị T. Tuy nhiên, anh T2 không cung cấp được chứng cứ về số tiền còn nợ, đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai của chị T, chị D và chứng cứ là hợp đồng vay tiền ngày 22/4/2024 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là yêu cầu anh T2 và chị D trả cho chị số tiền là 447.000.000 đồng.

[3.2] *Đối với yêu cầu trả tiền lãi:*

Hợp đồng mượn tiền thể hiện thời hạn vay đối với số tiền 754.000.000 đồng là 30 ngày kể từ ngày 22/4/2024. Chị T và chị D thống nhất anh T2 và chị D có trả cho chị T số tiền vốn là 307.000.000 đồng và tiền lãi là 23.000.000 đồng (từ ngày 24/4/2024 đến 24/10/2024). Chị T yêu cầu chị D và anh T2 trả tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng đối với số tiền 447.000.000 đồng từ ngày 25/10/2024 đến ngày 14/4/2025 (05 tháng 20 ngày) là có căn cứ theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiền lãi là:

$(447.000.000 \times 5 \times 0,83\%) + (447.000.000 \times 20 \times 0,83\%/30) = 21.023.900$ đồng.

[4] *Về án phí:* Anh T2 và chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 282; 357; 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh Phạm Văn T2 và chị Võ Thị Thanh D có nghĩa vụ trả cho anh chị Nguyễn Thị T số tiền vốn vay còn nợ là 447.000.000 đồng và tiền lãi là 21.023.900 đồng (tạm tính đến ngày 14/4/2024), tổng cộng 468.023.900 đồng (bốn trăm sáu mươi tám triệu không trăm hai mươi ba ngàn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T2 và chị Võ Thị Thanh D phải chịu 22.721.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.015.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008332 ngày 04/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết,

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni